



Số 158/BC-S55-TCKT

Gia Lai, ngày 02 tháng 04 năm 2015

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 505 Năm 2014

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 505**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Giấy chứng nhận ĐKKD ngày đầu thành lập số 3903000041 ngày 09/08/2004 . Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và điều chỉnh lần gần nhất vào ngày 13/09/2013 với số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới là 5900320629
- Vốn điều lệ: **24.960.000.000, VNĐ**
- Địa chỉ: **Xã IaO – Huyện Iagrai – Tỉnh Gia Lai**
- Số điện thoại: **04626.59.505** Số fax: **0462.659.506**
- Website: **www.songda505.com.vn**
- Mã cổ phiếu : **S55**

2. Quá trình hình thành và phát triển

- a) **Ngày thành lập:** Thành lập theo quyết định số 980/QĐ-BXD ngày 22/06/2004 của Bộ xây dựng trên cơ sở chuyển đổi từ một bộ phận doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần và chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 01/09/2004
- b) **Thời điểm niêm yết :** Niêm yết ngày 22/12/2006 tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- c) **Các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:**
 - Năm 2007: Triển khai thực hiện hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000. Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/3/2007 thông qua Nghị quyết tăng vốn Điều lệ từ 7.000.000.000, VNĐ lên 24.960.000.000, VNĐ
 - Năm 2008: Đăng ký thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000 và chính thức được cấp chứng nhận hợp chuẩn ISO 9001:2000 số HT1905.09.28 ngày 12/01/09. Thành lập Chi nhánh 555 ngày 20/10/2008
 - Năm 2009: Hoàn thành và duy trì hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2000, triển khai nâng cấp theo Hệ thống hợp chuẩn ISO 9001-2008. Thành lập Chi nhánh thí nghiệm vào ngày 06/01/2009, Chi nhánh 515 vào ngày 03/4/2009 và Chi nhánh 525 vào ngày 02/12/2009
 - Năm 2013: Công ty cổ phần Sông Đà 5 thực hiện việc thoái vốn đầu tư tại Công ty cổ phần Sông Đà 505 với 32,6% vốn điều lệ, trong năm Công ty thực hiện mua lại cổ phiếu quỹ: 495.900 cổ phần làm giảm lượng cổ phiếu lưu hành đến 31/12/2013: 2.000.100 CP
 - Năm 2014: Công ty bán toàn bộ 495.900, cổ phiếu với giá bình quân sau khi đã trừ phí giao dịch là: 73.856,đồng/1cp thu về giá trị thặng dư vốn: 19.843.739.765,đồng

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a) Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình công nghiệp, công cộng, dân dụng, nhà ở, thủy điện, thủy lợi, giao thông;
- Xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ;
- Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, cấu kiện kim loại, phụ tùng, phụ kiện phục vụ xây dựng
- Thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn, xử lý công trình bằng phương pháp khoan phun, khoan phụt;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác cát, đá, sỏi;
- Kinh doanh bất động sản;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm định chất lượng công trình, kiểm định hiệu chuẩn các thiết bị, phương tiện đo lường và thử nghiệm

b) Địa bàn kinh doanh:

- Khu vực phía bắc: Công ty tham gia thi công một số HMCT công trình thủy điện Nậm Mực tại tỉnh Điện Biên và 03 công trình thủy điện Bắc Nà, TĐ Suối Chăn 2 và TĐ Nậm Toóng tại tỉnh Lào Cai
- Tại khu vực miền trung: Chi nhánh 525 phụ trách thi công một số HMCT thủy điện Tả Trạch tại Huế; thủy điện Đăkđrinh tại Quảng Ngãi; thủy điện Chi Khê tại Nghệ An và thủy điện Đăksrông 1 tại tỉnh Quảng Trị
- Tại khu vực Miền Trung Tây Nguyên: Chi nhánh 555 phụ trách công một số HMCT thủy điện Hòa Phú tại ĐăkLăk và thủy điện ĐăkNông 2 tại tỉnh Đăk Nông
- Tại khu vực phía nam: Chi nhánh 515 phụ trách công một số HMCT thủy điện Đồng Nai 5 tại tỉnh Đăk Nông và thủy điện Đại Nga tại tỉnh Lâm Đồng

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

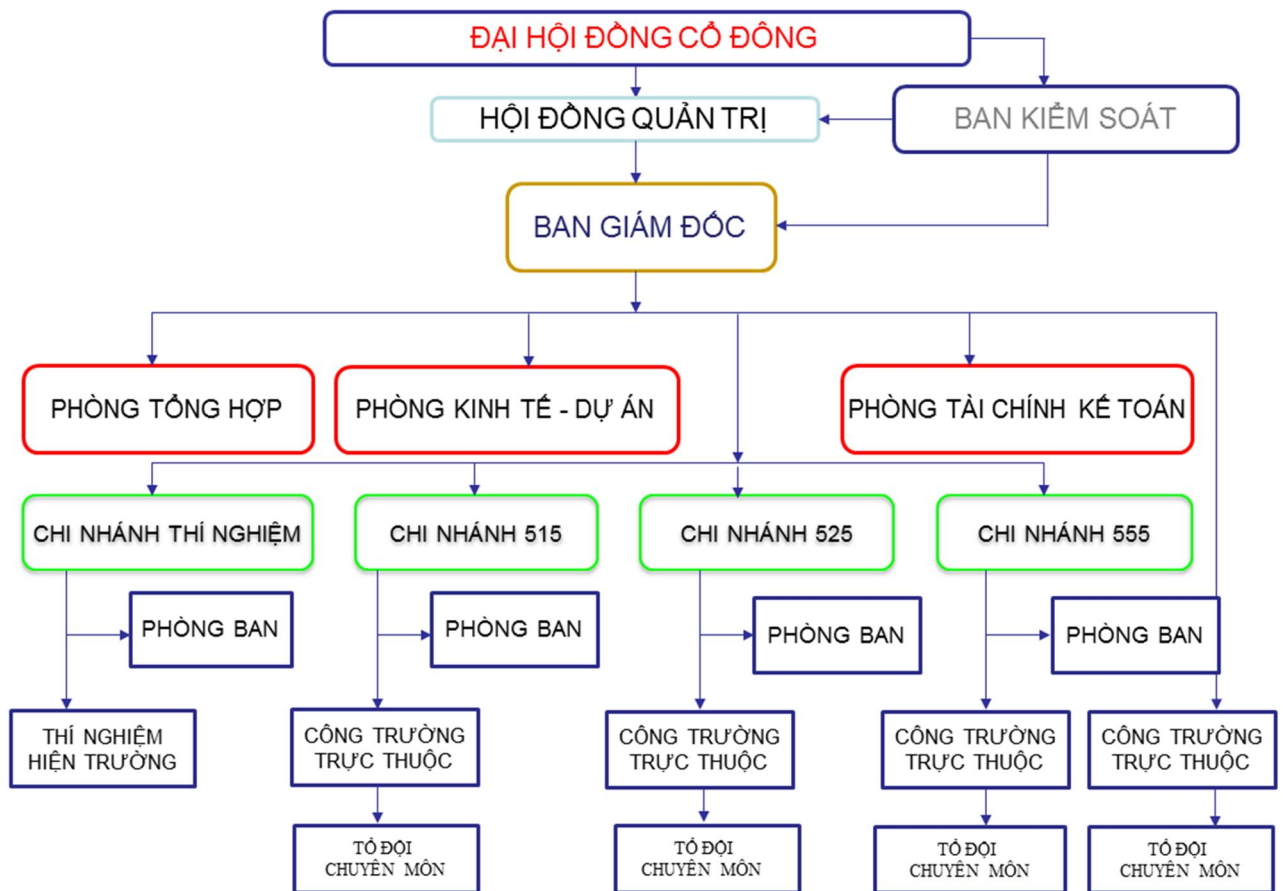
a) Mô hình quản trị: Công ty thực hiện việc quản trị theo đúng phân cấp được qui định trong điều lệ và các qui chế quản lý của Công ty đã ban hành phù hợp với Luật doanh nghiệp, văn bản pháp luật hiện hành đối với Công ty niêm yết và thực tế của đơn vị trên nguyên tắc các bộ phận thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, thống nhất và tuân thủ qui trình quản lý, cá nhân chịu trách nhiệm vì mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

- Đại hội cổ đông: Bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty thực hiện chức năng nhiệm vụ theo qui định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty đã được ban hành
- Hội đồng quản trị: Thực hiện chức năng quản lý toàn bộ hoạt động SXKD, đầu tư và định hướng của Công ty. Hàng năm hội đồng quản trị chỉ đạo ban giám đốc công ty xây dựng kế hoạch, biện pháp triển khai nhiệm vụ SXKD và đầu tư để đại hội cổ đông thông qua. Trên cơ sở nghị quyết của đại hội cổ đông đã được thông hàng năm, HĐQT ra các quyết định kịp thời chỉ đạo ban giám đốc tổ chức triển khai theo đúng kế hoạch, đảm bảo được các mục tiêu đề ra
- Ban kiểm soát : Thực hiện chức năng giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; thẩm định báo cáo tình

hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của công ty và công tác quản lý của Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên

- Ban giám đốc: Đứng đầu là Giám đốc Công ty và là người đại diện theo pháp luật, điều hành và tổ chức hoạt động SXKD hàng ngày của công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, kiên nghị bộ máy tổ chức quản lý, ký kết các hợp đồng, công bố thông tin theo qui định phù hợp với Điều lệ công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Các phòng chức năng: Tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, Giám đốc trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của công ty phù hợp với yêu cầu hoạt động kinh doanh của công ty và quy định pháp luật
- Các Chi nhánh trực thuộc : Chi nhánh là đơn vị hạch toán phụ thuộc có đầy đủ bộ máy hoạt động, có con dấu, bảng cân đối kế toán riêng và được cấp mã số thuế con thực hiện nhiệm vụ tổ chức, quản lý SXKD theo sự ủy quyền của Giám đốc Công ty phù hợp với ngành nghề, mục tiêu và định hướng của Công ty, lợi nhuận hàng năm của các Chi nhánh được tập trung về Công ty. Giám đốc Chi nhánh chịu trách nhiệm trước giám đốc Công ty về toàn bộ công tác quản lý điều hành và hiệu quả SXKD của Chi nhánh theo phân cấp quản lý đã được ban hành và pháp luật nhà nước hiện hành

b) Cơ cấu bộ máy quản lý:



a. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

5. Định hướng phát triển :

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Công ty xác định nhiệm vụ chính vẫn là thi công công tác bê tông cốt thép tại các công trình thủy điện trong khu vực Miền trung- Tây Nguyên và một số dự án thủy điện đang và sẽ triển khai tại nước CHDCND Lào, đồng thời tiếp cận đấu thầu các dự án công trình công nghiệp, dân dụng, đường giao thông nhằm chuyển dịch dần cơ cấu đa ngành nghề trước khi kết thúc các dự án XD công trình thủy điện
- Phát huy tối đa năng lực hiện có, từng bước mở rộng địa bàn thi công, nâng cao năng lực quản lý và chất lượng lao động tại các Chi nhánh, bộ phận
- Sắp xếp và tổ chức nhân lực hợp lý trong dây truyền SX đảm bảo tăng năng suất lao động, giảm chi phí SX, nâng cao hiệu quả SXKD
- Tiếp tục duy trì các chi nhánh trực thuộc theo vùng miền, giao quyền và trách nhiệm cho các Chi nhánh để thực hiện các gói thầu phù hợp với từng địa bàn nhằm thuận tiện trong các giao dịch, quản lý các gói thầu

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tiếp tục duy trì và phát huy ngành nghề truyền thống trong lĩnh vực xây lắp thông qua việc tiếp cận các gói thầu thi công các công trình thủy điện, công trình công nghiệp, thủy lợi, đường giao thông đáp ứng được nguồn vốn trong thanh toán với phương châm đảm bảo uy tín về chất lượng, các cam kết về tiến độ với chủ đầu tư và hiệu quả kinh tế từng gói thầu, đồng thời tìm kiếm các cơ hội đầu tư vào một số dự án có tính ổn định lâu dài và lĩnh vực kinh tế có khả năng mang lại lợi ích kinh tế cao
- Tập trung đầu tư xây dựng sớm đưa vào vận hành dự án thủy điện vừa và nhỏ với công suất 18MW tại tỉnh Lào Cai
- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý chuyên nghiệp, đầu tư dây chuyền thiết bị đồng bộ đảm bảo năng lực thi công, sẵn sàng cách tranh và đảm đương được những công trình trọng điểm, đáp ứng được yêu cầu công việc, chất lượng cũng như tiến độ thi công các gói thầu lớn trong và ngoài nước
- Phân đầu đạt sản lượng bình quân năm : 500-:700 tỷ trở lên
- Đảm bảo SXKD có hiệu quả, lợi tức chia cho các cổ đông đạt 20-25%/năm
- Phân đầu thu nhập bình quân của CBCNV đạt từ 7 đến 8 triệu đồng /người/tháng
- Không ngừng hoàn thiện mô hình, cơ cấu bộ máy tổ chức nhằm tinh giảm gọn nhẹ, giảm chi phí, hạ giá thành và nâng cao hiệu quả trong SXKD

c) Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

Vì mục tiêu phát triển bền vững phù hợp với yêu cầu chung của toàn xã hội, Công ty cam kết hài hòa lợi ích của doanh nghiệp với trách nhiệm xã hội và bảo vệ cộng đồng, đảm bảo rằng những hoạt động của mình tuân thủ theo pháp luật, các chuẩn mực đạo đức xã hội cũng như quan tâm đến lợi ích cộng đồng, tôn trọng các cam kết với đối tác trong việc tuân thủ hành động để bảo tồn và phát triển cộng đồng.

6. Các rủi ro:

- Các công trình công ty tham gia thi công phân tán tại nhiều địa bàn cách xa nhau làm ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý và chỉ đạo SXKD kéo theo bộ máy mở rộng, phát sinh chi phí quản lý
- Các công trình đơn vị tham gia thi công thường kéo dài, một số công trình giao thầu chưa được phê duyệt dự toán chính thức trong khi việc thanh toán bù giá thường chậm chậm trễ, thiếu vốn trong thanh toán dẫn đến công tác nghiệm thu thanh toán chậm trễ kéo dài đặc biệt là đối với công trình đã kết thúc thi công nhưng chưa được thanh toán, đơn vị phải đi vay với lãi suất cao làm gia tăng chi phí tài chính
- Giá cả các loại nguyên nhiên, vật liệu đầu vào không ổn định làm ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả SXKD đối với các gói thầu cố định giá

- Chính sách tiền tệ thiếu tính ổn định, doanh nghiệp có thể khó tiếp cận vốn hoặc phải vay với lãi suất cao khi mở rộng SXKD hoặc thiếu vốn do chủ thầu thanh toán chậm

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Năm 2014 đánh dấu sự thay đổi cơ bản về thành phần, cơ cấu cổ đông khi không còn sự tham gia của cổ đông có vốn Nhà nước, thay vào đó là các cổ đông cá nhân, cổ đông chiến lược nắm giữ và cùng tham gia quản lý Công ty trên nguyên tắc gắn lợi ích và trách nhiệm theo đúng nghĩa của người sở hữu đảm bảo minh bạch, khách quan hơn. Trong năm ban lãnh đạo Công ty đã đàm phán và báo cáo HĐQT ký kết thêm được 06 gói thầu mới thi công một số HMCT thuộc các nhà máy thủy điện Đại Nga, thủy điện Đăk Nông 2, thủy điện Bắc Nà, thủy điện Suối Chăn 2, thủy điện Nậm Toóng, thủy điện Đa Zâng và tái khởi động hợp đồng thi công thủy điện Đăksrông1 đã dừng trước đó do Chủ đầu tư chưa thu xếp được nguồn vốn đầu tư (các gói thầu này chủ yếu thực hiện trong giai đoạn từ cuối năm 2014 đến đầu năm 2016); tiếp tục triển khai các gói thầu tại thủy điện Nậm Múc, Chi Khê, dự án Hồ chứa nước Bản Mòng; thực hiện nốt phần việc còn lại tại thủy điện Hòa Phú; hoàn thành công tác quyết toán các gói thầu tại thủy điện Đam'abri, Tả Trạch, Đồng Nai 3, Đồng Nai 4, Ba Hạ, Sê San 4, Pleikông, ĐăkMi4C, A Lưới và An Khê – Kanak; đơn đốc công tác quyết toán thủy điện Hương điền, Xêkaman3, cống dẫn dòng Đồng Nai 5 và thủy điện Hòa na

Năm 2014 tiếp tục đánh dấu sự khó khăn về nhiều mặt do ảnh hưởng khó khăn kinh tế vĩ mô của Nhà nước và những rủi ro về chính sách, tổn thất không lường trước đã ảnh hưởng rất lớn đến uy tín, hiệu quả SXKD của đơn vị. Cụ thể là:

- Việc huy động nguồn vốn trong thanh toán của một số chủ đầu tư gặp khó khăn nên một số gói thầu bị gián đoạn và ngưng trệ, thanh toán rất chậm dẫn đến một số chỉ tiêu sản lượng, doanh thu và thu tiền về không đạt kế hoạch đề ra

- Sự thay đổi về chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp theo văn bản hướng dẫn của Bộ tài chính dẫn đến thu nhập tại một số địa bàn Công ty tham gia thi công không thuộc danh mục địa bàn ưu đãi thuế TNDN và Cục thuế Gia Lai đã thực hiện truy thu thuế TNDN thuộc giai đoạn 2012-:-2013 với số tiền: 12.473.192.465, đồng đã làm giảm lợi nhuận sau thuế trong năm

- Ngày 16/12/2014 xảy ra vụ sập hầm dẫn nước thuộc công trình thủy điện Đa Zâng-tại huyện Lạc Dương -Tỉnh Lâm khiến 12 công nhân của đơn vị đang làm việc phía trong bị mắc kẹt và một thiết bị thi công, khối lượng bê tông nền đã thi công có khả năng bị tổn thất với giá trị ước tính khoảng trên 2 tỷ đồng , bước đầu xác định do điều kiện mưa kéo dài, kèm theo địa chất xấu dẫn đến việc sụt sạt gây sập hầm. Vụ việc xảy ra bất khả kháng, đã cứu thành công toàn bộ 12 công nhân của Công ty ra ngoài an toàn trong tình trạng khỏe mạnh, tuy nhiên ngoài những thiệt hại về vật chất, tinh thần và ít nhiều ảnh hưởng đến uy tín của đơn vị

Nhìn tổng quan trong năm qua một số chỉ tiêu như sản lượng, doanh thu không đạt kế hoạch và chịu những tổn thất từ những rủi ro không lường trước nhưng về cơ bản Công ty vẫn duy trì được sự ổn định về quy mô và đầu mối quản lý; Hội đồng quản trị cùng tập thể ban lãnh đạo Công ty luôn bám sát nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra, đưa ra giải pháp thích hợp trong quá trình thi công, quản lý, tiết kiệm chi phí,...đã hoàn thành được các mục tiêu về lợi nhuận đề ra

b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch năm 2014:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HT
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đ	555.000	496.161	89%
2	Doanh thu	10 ⁶ đ	552.000	441.138	80%
3	Nộp ngân sách	10 ⁶ đ	26.480	29.336	111%
4	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	24.960	24.960	100%
5	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đ	19.386	24.625	127%
6	Cổ tức dự kiến 20%	10 ⁶ đ	4.992	4.992	100%
7	Nhân lực	Người	900	884	98%
8	Thu nhập bình quân	10 ³ đ/Th	6.500	6.833	105%

• Phân tích nguyên nhân một số chỉ tiêu chủ yếu không đạt kế hoạch

- Về giá trị sản lượng và doanh thu không đạt kế hoạch là do công trình TĐ Bắc Nà chậm triển khai, công trình TĐ Chi Khê chủ đầu tư ban giao mặt bằng chậm và DA hồ chứa nước Bản mòng dừng thi công 3 tháng do thiếu vốn
- Về lợi nhuận (Đạt 127%) : Trong năm có phát TNDN tăng đột biến do Cục thuế Gia Lai truy thu đối với thu nhập tính trên địa bàn không được ưu đãi thuế TNDN thuộc gia đoạn 2012-:-2013 theo văn bản hướng dẫn chính sách thuế TNDN số 12024/BTC-TCT ngày 27/08/2014 của Bộ tài chính với số tiền: 12.473.192 và bị tổn thất vật chất liên quan đến vụ việc sập hầm dẫn nước tại công trình thủy điện Đa Zâng với giá trị ước tính trên 2 tỷ đồng tuy nhiên trong năm bên cạnh những biện pháp thắt chặt quản lý chi tiêu, tiết kiệm chi phí tối đa thì Công ty đã hoàn toàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi, hoàn nhập bảo hành công trình và khoản dự phòng tiền lương 2014 với số tiền là: 14.523.822.706, đồng đã làm tăng lợi nhuận sau thuế trong kỳ.

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ	Tỷ lệ sở hữu CP
1	Đặng Quang Đạt	Giám đốc	1962	Kỹ sư XD ngầm	4,83%
2	Đặng Văn Tuyển	Phó giám đốc	1971	Kỹ sư XD	4,81%
3	Lê Văn Phúc	Phó giám đốc	1964	Cử nhân kinh tế	1,61%
4	Nguyễn Ngọc Ánh	Phó giám đốc	1972	Kỹ sư thủy lợi	3,63%
5	Trần Thái Bình	Phó giám đốc	1975	Cử nhân kinh tế	2,00%
6	Phạm Văn Huân	Phó giám đốc	1969	Kỹ sư XD	0,0%
7	Đặng Văn Tơ	Phó giám đốc	1958	Kỹ sư máy mô	0,0%
8	Vũ Sơn Thủy	Kế toán trưởng	1977	Cử nhân TC-KT	1,31%

b) Những thay đổi trong ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ	Ngày bổ nhiệm

c) Số lượng cán bộ, nhân viên:

STT	Nội dung	Tổng số CBCNV			Ghi chú
		Gián tiếp	LĐ trực tiếp	Tổng cộng	
1	Cơ quan Công ty	52	267	319	

2	Chi nhánh thí nghiệm	7	17	24	
3	Chi nhánh 515	28	151	179	
4	Chi nhánh 525	23	204	165	
5	Chi nhánh 555	29	130	159	
	Cộng	139	709	908	

- Chính sách đối với người lao động:
 - Đối với cán bộ chuyên môn nghiệp vụ: Tiền lương được trả hàng tháng cho từng vị trí, cấp bậc, loại nhân viên, phục vụ dựa trên mức độ cống hiến, hiệu quả, mức độ hoàn thành công việc và tổng quỹ lương khoán theo qui mô
 - Đối với lao động trực tiếp: Công ty trả lương cho CBCNV theo qui chế trả lương khoán do Giám đốc công ty phê duyệt trên cơ sở sản phẩm hoàn thành và đơn giá định mức nội bộ
 - Gắn trách nhiệm trong việc tạo ra sản phẩm, ổn định việc làm cho người lao động. Nâng cao năng suất lao động, ý thức trách nhiệm tiết kiệm chi phí, hiệu quả trong công việc hướng tới chọn lựa các đối tượng thực sự có năng lực có khả năng đáp ứng được yêu cầu công việc cho từng vị trí và đào thải những đối tượng không đáp ứng được yêu cầu chuyên môn trong dây chuyền SX, thu hút và khuyến khích người lao động không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; cống hiến và yên tâm gắn bó lâu dài với Công ty
 - Công ty luôn đặc biệt chăm lo đến điều kiện làm việc, giải quyết chính sách chế độ một cách kịp thời, minh bạch cho CBCNV là nhân tố cơ bản cho sự gắn bó và tăng năng suất lao động

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư năm 2014:

STT	Danh mục đầu tư	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HT
1	Góp vốn đầu tư vào DN khác	10 ⁶ đ	63.070	10.401	16%
2	Đầu tư thiết bị thi công	10 ⁶ đ	12.700	4.176	33%
3	Trả tiền mua VP tại Hà Nội	10 ⁶ đ	6.276	5.434	87%
	Cộng		82.046	19.958	24%

- b) *Các công ty con, công ty liên kết:* Năm 2014 Công ty đã đăng ký và cam kết góp vốn đầu tư vào Công ty cổ phần Thương mại và đầu tư toàn cầu DATC 37,5 tỷ/110 tỷ đồng tương ứng 34,09% vốn điều lệ và đã thực hiện góp 14,9 tỷ đồng và trở thành Công ty liên kết

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng, giảm
1	Tổng tài sản	431.539.539.085	441.477.104.538	
2	Doanh thu thuần	647.396.562.587	421.490.562.972	
3	Lợi nhuận từ hoạt động KD	19.139.989.411	28.744.647.636	
4	Lợi nhuận khác	3.918.006.325	11.897.909.450	
5	Lợi nhuận trước thuế	23.057.995.736	40.642.557.086	
6	Lợi nhuận sau thuế	21.778.997.689	24.625.356.209	
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20%	25%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,44	1,63	

	(TSLĐ/Nợ ngắn hạn)			
-	Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	1,3	1,4	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
-	Tổng nợ/Tổng tài sản	0,69	0,58	
-	Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	2,3	1,37	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-	Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	14,2	6,7	
-	D.thu thuần/Tổng tài sản	1,5	0,96	
4	Chỉ tiêu về hệ số sinh lời			
-	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,4%	5,8%	
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	16,6%	18,8%	
-	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5%	5,7%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

STT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng số cổ phần được phép phát hành	2.496.000	
-	Cổ phần thông thường chuyển nhượng tự do	2.496.000	
-	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng		
2	Số lượng cổ phiếu quỹ		
-	Cổ phần thông thường chuyển nhượng tự do		
-	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng		
3	Số lượng cổ phần đang lưu hành	2.496.000	
-	Cổ phần thông thường chuyển nhượng tự do	2.496.000	
-	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0	

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Loại cổ đông	Tổ chức		Cá nhân		Tổng cộng	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Cổ đông trong nước	301.913	12,1%	2.106.443	84,4%	2.408.356	96,5%
-	Cổ đông nhà nước						
-	Cổ đông lớn	173.800	7,0%			173.800	7,0%
-	Cổ đông khác	128.113	5,1%	2.106.443	84,4%	2.234.556	89,5%
-	Cổ phiếu quỹ		0,0%		0,0%		0,0%
2	Cổ đông nước ngoài	23.084	0,9%	63.040	2,5%	87.644	3,5%
-	Cổ đông lớn						
-	Cổ đông khác	36.884	1,5%	50.760	2,03%	87.644	3,5%
	Cộng	338.797	13,6%	2.157.203	86,4%	2.496.000	100%

=> Nguồn dữ liệu lấy theo danh sách cổ đông của Công ty do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp chốt tại ngày 05/02/2015

c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Trong năm không phát sinh đợt tăng vốn cổ phần, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Trên cơ sở nghị quyết ĐHCĐ thường niên ngày 26/03/2014 thông qua phương án bán 495.900 cổ phiếu quỹ và xét thấy tình hình thị trường chứng khoán có dấu hiệu khả quan, Hội đồng quản trị đã thông qua nghị quyết số 409/S55-NQ-HĐQT ngày 11/09/2014 về việc bán toàn bộ số lượng cổ phiếu quỹ theo giá thị trường theo hình thức khớp lệnh và thỏa thuận để bổ sung nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh được thực hiện từ ngày 09/10/2014 đến ngày 05/11/2014 với kết quả như sau:

- Số lượng đăng ký bán: 495.900, cổ phiếu (Giá gốc: 33.728,đồng)
- Số lượng cổ phiếu quỹ đã thực hiện bán: 495.900, cổ phiếu với giá bình quân sau khi đã trừ phí giao dịch là: 73.856,đồng/1cp tương ứng với tổng số tiền thu về là: 36.569.689.765,đồng gia tăng giá trị thặng dư vốn: 19.843.739.765,đồng
- Tổng số lượng cổ phiếu lưu hành sau khi hoàn thành giao dịch: 2.496.000 cp

e) **Các chứng khoán khác:** Không phát sinh

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Nhìn lại tổng quan năm 2014 với sự khó khăn về nhiều mặt do tiếp tục chịu tác động của nền kinh tế vĩ mô, sự cạnh tranh ngày càng lớn từ các Doanh nghiệp cùng lĩnh vực dẫn đến việc tiếp cận các gói thầu mới rất khó khăn, công tác thanh toán trong xây dựng cơ bản chậm, việc tiếp cận nguồn vốn hoạt động gặp trở ngại và gánh chịu những tổn thất từ những rủi ro không lường trước,... trong khi phải áp lực duy trì qui mô và đảm bảo các mục tiêu SXKD do Đại hội cổ đông đề ra. Tuy nhiên với sự nỗ lực của Ban Giám đốc cùng tập thể cán bộ người lao động tìm kiếm thêm các gói thầu, sử dụng tối đa các nguồn lực hiện có, tăng năng suất lao động, tập trung thu hồi vốn và tăng cường công tác quản lý nội bộ nhằm tiết kiệm tối đa chi phí... tuy chỉ tiêu như sản lượng, doanh thu không đạt kế hoạch nhưng đã hoàn thành được mục tiêu về lợi nhuận đề ra.

- Một số điểm đạt được trong năm:
 - Tìm kiếm, tiếp cận thêm một số gói thầu mới với giá trị: 680 tỷ đồng, đảm bảo công ăn việc làm thường xuyên khoảng 1.000 người lao động
 - Các hạng mục các công trình do Công ty tham gia thi công đều thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định của Nhà nước, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu thiết kế và tiêu chuẩn quy phạm quy định, chưa có hạng mục nào phải phá đi làm lại.
 - Đáp ứng hầu hết các mục tiêu cam kết với các Chủ đầu tư, tạo được uy tín và vị trí của đơn vị trong lĩnh vực xây dựng thủy điện
 - Gia tăng được niềm tin (tín chấp) của đông đảo các nhà cung cấp đảm bảo tính cạnh tranh về chất lượng dịch vụ và giá cả cung cấp, giảm các chi phí trung gian
 - Công tác thu hồi vốn chưa đạt kế hoạch nhưng đã đảm bảo duy trì được nguồn vốn trong tổ chức SXKD, giảm cơ bản số dư nợ vay và chi phí tài chính số với năm trước
 - Mức lợi nhuận vượt kế hoạch đảm bảo nguyên tắc bảo toàn vốn và duy trì lợi ích của các cổ đông

2. Tình hình tài chính

a) **Tình hình tài sản :** Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 gia tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước tương ứng : 441/431tỷ, xuất phát từ những nguyên nhân cơ bản sau:

- Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 49,2 tỷ đồng do Công ty đã tập trung thu hồi vốn đối với một số công trình đã quyết toán trong năm và một số công trình mới

ký hợp đồng được Chủ đầu tư ứng vốn nhưng chưa sử dụng hết vào công tác chuẩn bị ban đầu

- Tổng các khoản phải thu giảm 70,3 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Công nợ phải thu giảm : 79,3 tỷ đồng (320,6/399,9 tỷ đồng), tiền ứng trước cho nhà cung cấp vật tư tăng 4,9 tỷ đồng, trích lập dự phòng phải thu khó đòi giảm: 1,2 tỷ đồng do một số công trình đã quyết toán và được chủ đầu tư thanh toán trong năm
- Hàng tồn kho tăng 18,3 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước do công tác nghiệm thu thanh toán tại dự án thủy điện Đại Nga chậm, dự án thủy điện Bắc Nà chưa thu xếp được nguồn vốn giải ngân
- Tài sản ngắn hạn khác tăng 1,8 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước (8,6/6,8 tỷ) chủ yếu do tăng giá trị ứng vốn phục vụ thi công cho một số công trình và do mua sắm thêm một số công cụ dụng cụ thi công tại các công trình mới triển khai chờ phân bổ dần vào giá thành SX
- Tài sản cố định: Trong năm Công ty thực hiện thanh lý một số TSCD cũ hỏng không có nhu cầu sử dụng có giá trị còn lại :51 triệu đồng và thực hiện tái đầu tư nâng cao thiết bị: 4,2 tỷ; khấu hao trong năm: 7,9 tỷ đồng dẫn đến tổng giá trị tài cố định giảm : 3,8 tỷ so với cùng kỳ năm trước
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn tăng 7,9 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước do trong năm Công ty thực hiện thoái vốn tại Công ty CP điện lực dầu khí Nhơn Trạch với giá trị 1 tỷ đồng, tham gia góp vốn thêm 10,4 tỷ vào Công ty cổ phần thủy điện Á Đông để đầu tư xây dựng dự án thủy điện Đăk Nông 2 tại Tỉnh Đăk Nông nâng tổng giá trị đầu tư lên 37,2/29,2 tỷ và tăng giá trị trích lập dự phòng 1.814/380 triệu đồng

b) Tình hình nợ phải trả: Tổng nợ phải trả của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 là: 254,9 tỷ đồng; giảm: 45,7 tỷ đồng. Các khoản nợ trên đều có đầy đủ hồ sơ và đối chiếu nên không phát sinh khoản nợ xấu. Cụ thể như sau:

- Số dư nợ vay và nợ ngắn hạn : 14,6 tỷ đồng được vay ngân hàng BIDV và huy động của CBCNV để phục vụ nhu cầu SXKD. Trong đó khoản vay đến hạn phải trả sớm nhất là ngày 02/05/2015 và Công ty sẽ thực hiện chi trả trước hạn từ nguồn tiền gửi trong quý I/2015
- Công nợ phải trả khách hàng 108,6 tỷ là các khoản nợ phải trả các nhà cung cấp với thời gian chậm trả 30 đến 45 ngày, trong đó công nợ đủ điều kiện bù trừ vào công nợ phải thu: 71,4 tỷ đồng, như vậy công nợ phải trả thực tế là: 37,2 tỷ đồng và Công ty đảm bảo thanh toán đúng hạn từ nguồn tiền gửi và các khoản phải thu được chủ đầu tư thanh toán hàng kỳ
- Khoản công nợ tiền ứng trước của khách hàng: 70,6 tỷ là các khoản ứng hợp đồng của một số chủ đầu tư và được khấu trừ dần vào giá trị khối lượng hoàn thành
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước: 1,8 tỷ chủ yếu là thuế TNDN quý IV/2014 và thuế GTGT tháng 12/2014, Công ty đã thực hiện chi trả vào ngày 20/01/2015
- Khoản phải trả người lao động : 23,5 tỷ chủ yếu là tiền lương tháng 12/2014, tiền phép, thu lao HĐQT, BKS chưa chi trả trong năm 2014 và khoản trích lập dự phòng tiền lương tính trên quỹ lương thực trả năm 2014 (Khoản dự phòng này nhằm đảm bảo an toàn về tài chính khi công việc không ổn định mà không làm gián đoạn việc chi trả cho người lao động). Công ty đã hoàn thành việc chi trả tiền lương tháng 12/2014 trong tháng 1/2015 và chi trả thù lao cho HĐQT & BKS, chế độ phép, tàu xe xong trước 31/03/2015 theo qui định

- Khoản chi phí phải trả: 10,9 tỷ đồng là các khoản chi phí đã cấu thành sản phẩm xây lắp nhưng chưa đủ điều kiện nghiệm thu và được xác nhận, xuất hóa đơn và thực hiện chi trả trong quý I/2015
- Khoản phải trả khác: 14 tỷ đồng trong đó chủ yếu là khoản ủy thác góp vốn đầu tư của một số cá nhân: 10,5 tỷ đồng; tiền BHXH, BHYT, BHTN tháng 12/2014 chưa nộp và tiền phí, kinh phí công đoàn chưa chi dùng. Công ty đã thực hiện chi trả tiền BHXH, BHYT và BHTN cho BHXH Tỉnh Gia Lai trong quý I/2015
- Khoản dự phòng phải trả ngắn hạn: 8,2 tỷ đồng là khoản dự phòng bảo hành công trình đối với công trình đã bàn giao nhưng trong thời gian bảo hành. Khoản dự phòng này để đảm bảo an toàn về tài chính khi phát sinh hư hỏng HMCT trong thời gian bảo hành. Tuy nhiên khả năng rủi ro các yếu tố này rất thấp

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Về cơ cấu tổ chức : Mục tiêu của Công ty là duy trì ổn định bộ máy tổ chức với các Chi nhánh trực thuộc phân theo vùng miền hoạt động thực hiện theo sự ủy quyền của Công ty, bố trí cán bộ phù hợp với qui mô và trình độ chuyên môn đảm bảo hiệu quả cho từng vị trí, kiên quyết tinh giảm lực lượng chuyên môn đáp ứng được yêu cầu công việc
- Chính sách quản lý: Tăng cường công tác quản lý chất lượng công trình; kiểm soát rủi ro và thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống quản lý đảm bảo nguyên tắc minh bạch; Tuân thủ hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008 trong toàn Công ty; Xây dựng và ban hành hệ thống các qui chế quản lý phù hợp với các văn bản, chính sách, chế độ hiện hành và tình hình thực tế của Công ty; cung cấp thông tin báo cáo kịp thời, chính xác để Ban lãnh đạo chỉ đạo và điều hành công việc đạt hiệu quả, thắt chặt công tác quản lý nội bộ cho từng gói thầu gắn trách nhiệm của Chỉ huy trưởng các công trường trong việc kiểm soát, quản lý công trình kịp thời ngăn ngừa các yếu tố gây thất thoát

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai :

- Cơ cấu lại ngành nghề : Tiếp tục duy trì ngành nghề xây lắp các dự án thủy điện trong nước đến năm 2017 và các dự án tương tự tại các nước lân cận nhưng sẽ chuyển dịch dần tỷ trọng ngành nghề sang lĩnh vực xây dựng giao thông, phát triển hạ tầng
- Xác định thị trường: Tiếp cận và đón đầu các dự án xây dựng thủy điện tại Lào, Campuchia và các gói thầu xây dựng hạ tầng giao thông trong nước
- Đầu tư dài hạn: Đầu tư hoặc góp vốn đầu tư dự án thủy điện phù hợp với chuyên môn, ngành nghề hiện tại và khả năng tài chính của Công ty nhưng phải giữ tỷ lệ chi phối hoặc tỷ lệ kiểm soát để có thể nắm quyền quản lý, điều hành nhằm bảo vệ hiệu quả của dự án đầu tư

- 5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán :** Chấp thuận với ý kiến và số liệu kiểm toán, cam kết về tính minh bạch về các số liệu báo cáo và các tài liệu cung cấp cho đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các hoạt động của Công ty

- Ngay đầu năm Hội đồng quản trị họp bàn cùng với ban giám đốc nhằm phân tích, đánh giá, xây dựng kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2014 trình Đại hội cổ đông thông qua. Trên cơ sở nghị quyết đã được đại hội cổ đông thông qua năm 2014, HĐQT phân công nhiệm vụ cho các thành viên theo chuyên môn thường xuyên kiểm tra thực tế chỉ đạo ban giám đốc bám sát nghị quyết để tổ chức triển khai

- Định kỳ hàng quý HĐQT tổ chức họp kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện trong quý đồng thời thống nhất các giải pháp triển khai trong kỳ tiếp theo và đưa ra ý kiến chỉ đạo kịp thời, cùng xem xét thống nhất các nghị quyết thuộc thẩm quyền của HĐQT phù hợp từng thời điểm để Ban giám đốc điều hành triển khai thực hiện các mục tiêu trong quản lý SXKD đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Trong năm HĐQT đã tổ chức họp định kỳ 04 lần và cùng xem xét một số đề xuất do Giám đốc điều hành trình, thống nhất thông qua 12 nghị quyết kèm theo các quyết định cụ thể tương ứng với các nội dung trong nghị quyết bao gồm:
 - + 01 Nghị quyết thông qua quyết toán tiền lương cho ban giám đốc năm 2013; kế hoạch SXKD và đầu tư 2014
 - + 04 Nghị quyết thông qua việc thanh lý một số TSCĐ cũ hỏng, không cần dùng tại công trình kết thúc thi công nhưng chưa có phương án bố trí điều chuyển đi công trình khác hoặc làm việc kém hiệu quả với tổng giá trị thu hồi 1,4 tỷ đồng
 - + 02 Nghị quyết thông qua việc đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công với tổng giá trị đầu tư trong năm 4,2 tỷ đồng
 - + 01 Nghị quyết thông qua phương án bán 495.900 cổ phiếu quỹ
 - + 01 Nghị quyết về việc thay đổi người đại diện phần vốn góp của Cty CP Sông Đà 505 tại Công ty cổ phần thương mại và đầu tư toàn cầu DATC
 - + 01 Nghị quyết thông qua phương án mua lại phần vốn góp của Cty CP đầu tư và tư vấn xây dựng Á Đông tại Công ty CP thủy điện Á Đông với tỷ lệ chiếm 20% vốn điều lệ để đầu tư xây dựng dự án thủy điện Đắk Nông 2 tại thị xã Gia Nghĩa tỉnh Đắk Nông.
 - + 01 Nghị quyết thông qua kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2014 và phê duyệt kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư 2015
 - + 01 quyết định phê duyệt hạn mức tín dụng ngắn hạn và mức bảo lãnh năm 2015
- Trong quản lý các hợp đồng với Chủ đầu tư: HĐQT luôn chỉ đạo Ban giám đốc bám sát các điều khoản cam kết giữa nhà thầu với chủ đầu tư, cùng xem xét thực tế từng công trình để đưa ra giải pháp thi công tối ưu đồng thời kiểm soát chặt chẽ biện pháp, khối lượng trong thi công và các pháp lý cần thiết trong quá trình thực hiện hợp đồng đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro và thu hồi vốn kịp thời
- Trong quản lý nội bộ: Trên cơ sở các chỉ tiêu chung toàn Công ty đã được HĐQT phê duyệt, Giám đốc điều hành chủ động phê duyệt kế hoạch SXKD cho từng Chi nhánh trực thuộc; chủ động tổ chức tìm kiếm công việc, đàm phán và ký kết các hợp đồng thi công xây lắp với các chủ đầu tư, đồng thời ký hợp đồng giao khoán nội bộ cho từng công trình phù hợp với từng điều kiện công việc cụ thể, chủ động xây dựng và ban hành các qui định, chế tài trong quản lý nhằm đảm bảo mục tiêu lợi nhuận trên nguyên tắc hài hòa lợi ích của các cổ đông và người lao động trong DN và tuân thủ các qui định của Nhà nước, qui chế Công ty
- Trong tổ chức bộ máy và sử dụng cán bộ: Trong năm 2014 sự phân bổ công việc theo địa bàn cho các Chi nhánh không đồng đều, trong đó khu vực Tây Nguyên qui mô sụt giảm. Tuy nhiên, sau khi cân nhắc HĐQT chỉ đạo duy trì sự ổn định đầu mối các Chi nhánh nhưng phải thực hiện rà soát, bố trí lại một số lực lượng cán bộ kỹ thuật chuyên môn phù hợp với qui mô hiện tại cho từng đầu mối
- Trong sử dụng nguồn lực: Thực hiện bán thanh lý một số phương tiện tài sản tại một số công trình kết thúc thi công nhưng chưa có phương án bố trí điều chuyển đi công trình khác để thu hồi vốn cho SXKD tránh lãng phí trong thời gian chờ việc và thực hiện tái đầu tư thiết bị mới khi có nhu cầu, bên cạnh đó tại một số công trình bị gián đoạn thi công Công ty chưa bố trí được công việc khác, động viên luân phiên nghỉ chờ việc tạm thời vừa đảm bảo chế độ nghỉ ngơi cho người lao động vừa giảm thiểu các chi phí không đáng có trong thời gian bị gián đoạn

- Trong công tác quản lý, ngăn ngừa và xử lý rủi ro: Khi phát sinh các gói thầu mới, các thành viên HĐQT có chuyên môn đi thực tế để nắm bắt và đưa ra các ý kiến chỉ đạo về tổ chức biện pháp thi công và biện pháp an toàn nhằm ngăn ngừa rủi ro có thể xảy ra trong điều kiện thi công ở những địa hình phức tạp
- Nhìn chung HĐQT luôn xem xét thận trọng cho từng vấn đề trước khi quyết định, giải quyết và tháo gỡ kịp thời các vấn đề trong quản lý, đảm bảo đúng thẩm quyền, đúng qui định của pháp luật và hiệu quả kinh tế

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban giám đốc Công ty luôn bám sát nghị các mục tiêu SXKD đã đề ra, thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm qui định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, nỗ lực tìm kiếm thêm các gói thầu, luôn cân đối sử dụng hiệu quả các nguồn lực hiện có, chặt chẽ trong quản lý nội bộ, tuân thủ các qui chế nội bộ và các qui định của pháp luật.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Phê duyệt kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư và kế hoạch tài chính năm 2015 trên nguyên tắc thận trọng, khả thi để trình Đại hội cổ đông thông qua. Trong đó đặt trọng tâm trong công tác kiểm soát khối lượng, thu hồi công nợ, ngăn ngừa rủi ro và giám sát chặt chẽ tiến độ triển khai dự án mà Công ty góp vốn đầu tư
- Xây dựng và ban hành hệ thống các qui chế quản lý Công ty phù hợp với các văn bản, chính sách, chế độ hiện hành của pháp luật Nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty nhằm vận hành có hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành SXKD.
- Tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành dự án thủy điện Bắc Nà và thủy điện Đăk Nông 2 mà Công ty nắm giữ cổ phần chi phối và là cổ đông lớn
- Duy trì thường xuyên chế độ làm việc theo qui chế hoạt động của HĐQT trên cơ sở bám sát nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, giám sát quá trình tổ chức SXKD để có những chỉ đạo kịp thời nhằm hoàn thành xuất sắc kế hoạch SXKD năm 2015 đề ra. Định kỳ tổ hợp HĐQT để kiểm điểm kết quả đã thực hiện, đánh giá nghiêm túc những mặt đã làm được và những tồn tại để chỉ đạo Ban giám đốc điều hành có những giải pháp cụ thể trong từng giai đoạn.
- Duy trì ổn định đầu mối các Chi nhánh theo địa bàn, bố trí cán bộ phù hợp với qui mô và trình độ chuyên môn đảm bảo hiệu quả cho từng vị trí.
- Chặt chẽ các cam kết pháp lý với Chủ đầu tư, tập trung chỉ đạo công tác tổ chức quản lý sản xuất, tìm mọi biện pháp huy động tối đa năng lực sản xuất, tháo gỡ kịp thời mọi vướng mắc, đồng thời chỉ đạo ban giám đốc bám sát các mục tiêu tiến độ và kinh tế tại các dự án, đầu mối công trình.
- Tổ chức cho cán bộ quản lý, chuyên môn tham gia các khóa đào tạo chuyên ngành nhằm bố trí phù hợp với yêu cầu đặc thù công việc, đảm bảo sẵn sàng đáp ứng nguồn lực theo cam kết với chủ đầu tư. Ngay đầu năm thành lập bộ phận chuyên môn để tư vấn cho HĐQT và Giám đốc đưa ra các giải pháp chỉ đạo tối ưu đồng thời xây dựng và ban hành các qui định cụ thể trong tổ chức biện pháp thi công và biện pháp an toàn nhằm ngăn ngừa rủi ro có thể xảy ra.
- Duy trì hệ thống cung cấp thông tin báo cáo kịp thời, chính xác để HĐQT chỉ đạo và điều hành công việc đạt hiệu quả.
- Chỉ đạo công tác thanh kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm kịp thời chấn chỉnh hệ thống quản lý đảm bảo đúng thẩm quyền, nguyên tắc và minh bạch

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ	Tỷ lệ sở hữu CP
1	Vũ Khắc Tiệp	Chủ tịch	1957	Kỹ sư XD	0,0%

2	Đặng Quang Đạt	Thành viên	1962	Kỹ sư XD ngầm	4,83%
3	Đặng Văn Tuyên	Thành viên	1971	Kỹ sư XD	4,81%
4	Nguyễn Ngọc Ánh	Thành viên	1972	Kỹ sư thủy lợi	3,63%
5	Vũ Sơn Thủy	Thành viên	1977	Cử nhân TC-KT	1,31%

b) **Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Công ty không có tiểu ban thuộc HĐQT

c) **Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

- Các cuộc họp của HĐQT năm 2014:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự
1	Vũ Khắc Tiệp	CT HĐQT	5	100	
2	Đặng Quang Đạt	UV HĐQT	5	100	
3	Vũ Sơn Thủy	UV HĐQT	5	100	
4	Nguyễn Ngọc Ánh	UV HĐQT	5	100	
5	Đặng Văn Tuyên	UV HĐQT	5	100	

- Các nghị quyết được thông qua của Hội đồng quản trị:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	45/NQ-S55-HĐQT	07/01/2014	Về việc thông qua phương án thanh lý TSCĐ cũ, làm việc kém hiệu quả”
2	142/NQ- S55- HĐQT	20/03/2014	Thông qua mức chi trả tiền lương 2013 cho BGD, KH SXKD, ĐT năm 2014, tài liệu ĐHCĐ thường niên 2014
3	145/QĐ-S55-HĐQT	20/03/2014	Phê duyệt hạn mức tín dụng ngắn hạn 2014
4	218A/NQ-S55-HĐQT	19/05/2014	Thông qua phương án thanh lý TSCĐ cũ hỏng, lạc hậu, làm việc kém hiệu quả và không có nhu cầu sử dụng
5	202A/QĐ-S55-HĐQT	06/05/2014	QĐ Vv cử người đại diện phần vốn góp của Cty CP Sông Đà 505 tại CTCP TM&ĐT toàn cầu DATC
6	261A/NQ-S55-HĐQT	12/06/2014	Thông qua phương án mua lại phần vốn góp của Cty CP đầu tư và tư vấn xây dựng Á Đông tại Công ty CP thủy điện Á Đông
7	275A/NQ-S55-HĐQT	23/06/2014	Thông qua phương án thanh lý TSCĐ cũ, làm việc kém hiệu quả
8	333/NQ-S55-HĐQT	21/07/2014	Thông qua phương án thanh lý TSCĐ cũ, làm việc kém hiệu quả
9	370/QĐ-S55-HĐQT	11/08/2014	Thông qua phương thức đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công
10	408/NQ-S55-HĐQT	11/09/2014	Thông qua phương án bán Cổ phiếu quỹ theo NQ ĐHCĐ 2014
11	533/NQ-S55-HĐQT	29/10/2014	Thông qua phương thức đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công tại thủy điện ĐăkSrông 1, Đa Dâng, Bắc Nà và Nậm Toống
12	05/NQ-S55-HĐQT	11/01/2015	Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2014 và phê duyệt kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư 2015
13	05A/QĐ-S55-HĐQT	11/01/2015	Phê duyệt hạn mức tín dụng ngắn hạn và hạn mức bảo lãnh năm 2015

d) **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.**

e) *Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:* Không có tiểu ban

f) *Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.*

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Chứng chỉ đào tạo	Năm cấp chứng chỉ
1	Vũ Khắc Tiệp	Chủ tịch	1957		2007
2	Đặng Quang Đạt	Thành viên	1962		2006
3	Đặng Văn Tuyên	Thành viên	1971	06024-1/QD-DT	2006

2. Ban Kiểm soát

a) *Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:*

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ	Tỷ lệ sở hữu CP
1	Phạm Đạt Quang	Trưởng ban	1981	Cử nhân TC-KT	0,0%
2	Lê Trọng Cảnh	Thành viên	1958	Trung cấp	0,0%
3	Nguyễn Việt Cường	Thành viên	1985	Cử nhân kinh tế	3,28%

b) *Hoạt động của Ban kiểm soát:*

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của ban kiểm soát theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và Luật doanh nghiệp, ngay đầu năm 2014 Ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch làm việc trong năm và phân công nhiệm vụ phù hợp với chuyên môn của từng thành viên để phối hợp kiểm tra, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong các quyết định đầu tư, quản lý, điều hành SXKD đảm bảo minh bạch, khách quan, tuân thủ các qui định của pháp luật và qui định của công ty; định kỳ thẩm tra báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và báo cáo tài chính năm của công ty,... Trong năm qua, do các thành viên Ban kiểm soát đa phần đều kiêm nhiệm nên công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chưa được thường xuyên dẫn đến công tác trao đổi thông tin, phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát Công ty với các cổ đông chưa tốt. Tuy nhiên trên cơ sở các tài liệu do ban lãnh đạo Công ty cung cấp theo yêu cầu và quá trình thẩm định các tài liệu báo cáo, ban kiểm soát cùng thống nhất đưa ra ý kiến đánh giá như sau:

- Các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng qui định của Luật doanh nghiệp, qui định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo lợi ích của Công ty và các cổ đông
- Trong công tác chỉ đạo SX, Hội đồng quản trị Công ty luôn bám sát các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đề ra, kịp thời ra các quyết định để Ban giám đốc điều hành triển khai thực hiện các mục tiêu trong quản lý SXKD đảm bảo hiệu quả kinh doanh
- Hội đồng quản trị đã tổ chức họp thường kỳ hàng quý để kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, các giải pháp triển khai trong quý tiếp theo của Ban giám đốc nhằm đạt mục tiêu Hội đồng quản trị đề ra. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đều có sự nhất trí cao của các thành viên, đồng thời được Ban Giám đốc tổ chức triển khai nghiêm túc, kịp thời và đạt hiệu quả
- Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty đã rất tích cực tìm kiếm việc làm mới đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động cũng như lợi ích của các cổ đông.
- Công tác quản lý chất lượng, tiến độ, an toàn tại các công trình được Công ty đặc biệt chú trọng và quan tâm đúng mức từ đó nâng cao hình ảnh, thương hiệu của Công ty và đã được đa phần các Chủ đầu tư, đối tác đánh giá là một trong những doanh nghiệp xây dựng uy tín.

- Công ty đã thực hiện đúng các quy định của Luật kế toán, chuẩn mực kế toán. Việc lập, luân chuyển, sử dụng và bảo quản chứng từ kế toán đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ, kịp thời và đúng mẫu biểu của chế độ kế toán hiện hành. Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý các chỉ tiêu tài chính quan trọng của Công ty tại thời điểm 31/12/2014

3. Các giao dịch, thù lao và khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao	Tiền thưởng	Cộng
1	Vũ Khắc Tiệp	Chủ tịch HĐQT		120.000.000		120.000.000
2	Đặng Quang Đạt	TV HĐQT kiêm GD điều hành	428.524.000	96.000.000		524.524.000
3	Đặng Văn Tuyển	TV HĐQT kiêm GD Chi nhánh 555	203.485.891	96.000.000		299.485.891
4	Nguyễn Ngọc Ánh	TV HĐQT kiêm GD Chi nhánh 525	272.157.257	96.000.000		368.157.257
5	Vũ Sơn Thủy	TV HĐQT kiêm Kế toán trưởng	293.762.000	96.000.000		389.762.000
6	Lê Văn Phúc	Phó giám đốc kiêm GD Chi nhánh 515	290.401.331			290.401.331
7	Trần Thái Bình	Phó giám đốc	210.410.667			210.410.667
8	Phạm Văn Huân	Phó GD kiêm chỉ huy trưởng c.trường	228.406.998			228.406.998
9	Đặng Văn Tơ	Phó GD kiêm chỉ huy trưởng c.trường	173.654.000			173.654.000
10	Phạm Đạt Quang	Trưởng BKS		72.000.000		72.000.000
11	Lê Trọng Cảnh	Thành viên BKS		48.000.000		48.000.000
12	Nguyễn Việt Cường	Thành viên BKS		48.000.000		48.000.000
	Tổng cộng		2.100.802.145	672.000.000	0	2.772.802.145

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Đặng Văn Tuyển	Cổ đông NB	70.000	2,8%	120.000	4,8%	Tăng tỷ lệ sở hữu
2	Nguyễn Ngọc Ánh	Cổ đông NB	40.600	1,6%	90.600	3,6%	Tăng tỷ lệ sở hữu
3	Lê Văn Phúc	Cổ đông NB	19.400	0,8%	59.400	2,38%	Tăng tỷ lệ sở hữu
4	Lê Trọng Cảnh	Cổ đông NB	3.400	0,14%	0,0	0%	Phục vụ chi dung cá nhân
5	Phạm Văn Huân	Cổ đông NB	20.200	0,81%	0,0	0%	Phục vụ chi dung cá nhân
6	Trần Thị Bình	Người có LQ	3.600	0,14%	0,0	0%	Phục vụ chi dung cá nhân
7	Vũ Khắc Tiệp	Cổ đông NB	10.000	0,4%	0,0	0%	Phục vụ chi dung cá nhân

8	Trần Thái Bình	Cổ đông NB	100.000	4,01%	50.000	2%	Phục vụ chi dung cá nhân
9	Lê Văn Phúc	Cổ đông NB	59.400	2,38%	40.300	1,61%	Phục vụ chi dung cá nhân
10	Công ty tài chính cổ phần Điện Lực	Công đông lớn	0,0	0%	150.000	6,01%	Tăng tỷ lệ sở hữu

- c) **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không phát sinh hợp đồng giao dịch
- d) **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Việc xây dựng và ban hành hệ thống các qui chế chưa được điều chỉnh kịp thời với các văn bản pháp luật Nhà nước hiện hành. Đơn vị sẽ hoàn thành việc xây dựng và ban hành hệ thống các qui chế quản lý Công ty phù hợp với các văn bản, chính sách, chế độ hiện hành của pháp luật Nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty nhằm vận hành có hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành SXKD

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 183/2015/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà 505**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 505 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 20/02/2015, từ trang 5 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 03 năm 2015

Kim Văn Việt – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1486-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định về sửa đổi, bổ
sung có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		380.295.012.232	320.604.902.235
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		41.111.701.980	44.181.871.931
1. Tiền	111	5	41.111.701.980	44.181.871.931
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	1.117.538.200	1.170.140.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		4.018.760.000	4.018.760.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.901.221.800)	(2.848.620.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		295.769.785.173	233.031.410.699
1. Phải thu khách hàng	131		399.924.813.843	241.550.651.421
2. Trả trước cho người bán	132		2.910.946.810	21.624.899.900
3. Các khoản phải thu khác	135	7	2.405.615.929	549.780.075
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(109.471.591.409)	(30.693.920.697)
IV. Hàng tồn kho	140		37.090.250.017	40.333.493.793
1. Hàng tồn kho	141	9	37.090.250.017	40.333.493.793
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.205.736.862	1.887.985.812
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	1.389.754.559	796.099.954
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.084.058.427	110.376.087
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	731.923.876	981.509.771
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		51.244.526.853	43.605.433.346
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		17.552.733.541	23.792.342.803
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	14.891.919.541	21.131.528.803
- Nguyên giá	222		73.763.953.794	81.557.894.226
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(58.872.034.253)	(60.426.365.423)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	2.660.814.000	2.660.814.000
- Nguyên giá	228		2.660.814.000	2.660.814.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14	29.216.000.000	14.078.964.553
1. Đầu tư dài hạn khác	258		29.596.000.000	14.598.964.553
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(380.000.000)	(520.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.475.793.312	5.734.125.990
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	4.475.793.312	5.734.125.990
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		431.539.539.085	364.210.335.581

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		300.631.953.853	232.246.428.038
I. Nợ ngắn hạn	310		278.387.079.469	218.883.344.583
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	33.863.571.129	33.826.505.500
2. Phải trả người bán	312		133.578.639.471	71.395.089.431
3. Người mua trả tiền trước	313		53.011.802.816	53.686.491.546
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	296.634.256	854.844.014
5. Phải trả người lao động	315		26.219.745.233	15.427.424.183
6. Chi phí phải trả	316	18	25.122.367.162	16.696.684.287
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	4.045.741.556	9.961.450.658
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	14.954.910.818
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.248.577.846	2.079.944.146
II. Nợ dài hạn	330		22.244.874.384	13.363.083.455
1. Phải trả dài hạn khác	333	20	1.323.855.364	4.158.909.260
2. Vay và nợ dài hạn	334	21	752.784.182	3.001.699.182
3. Dự phòng phải trả dài hạn	337	22	20.168.234.838	6.202.475.013
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		130.907.585.232	131.963.907.543
I. Vốn chủ sở hữu	410		130.907.585.232	131.963.907.543
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	23	24.960.000.000	24.960.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	23	48.241.472.500	48.241.472.500
3. Cổ phiếu quỹ	414	23	(16.725.950.000)	(366.700.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	23	50.157.065.043	38.754.616.350
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	23	2.496.000.000	2.496.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	23	21.778.997.689	17.878.518.693
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		431.539.539.085	364.210.335.581



Giám đốc

Đặng Quang Đạt

Gia Lai, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Kế toán trưởng

Vũ Sơn Thủy

Người lập biểu

Tống Thị Thu Hiền

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các qui định sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	24	651.521.072.054	598.851.873.560
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	4.124.509.467	112.069.391
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	24	647.396.562.587	598.739.804.169
4. Giá vốn hàng bán	11	25	530.313.769.423	520.304.376.519
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>117.082.793.164</u>	<u>78.435.427.650</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	1.581.065.606	592.273.701
7. Chi phí tài chính	22	27	3.200.541.700	6.814.182.904
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.287.939.900	6.152.685.504
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		96.323.327.659	55.340.039.426
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>19.139.989.411</u>	<u>16.873.479.021</u>
11. Thu nhập khác	31	28	6.372.054.433	3.541.341.790
12. Chi phí khác	32	29	2.454.048.108	1.190.180.665
13. Lợi nhuận khác	40		<u>3.918.006.325</u>	<u>2.351.161.125</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	30	<u>23.057.995.736</u>	<u>19.224.640.146</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	1.278.998.047	1.346.121.453
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	30	<u>21.778.997.689</u>	<u>17.878.518.693</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	8.850	7.180



Đặng Quang Đạt

Gia Lai, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Kế toán trưởng

Vũ Sơn Thủy

Người lập biểu

Tông Thị Thu Hiền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các qui định sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	551.798.471.603	623.747.047.834
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(320.207.710.842)	(434.306.043.001)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(108.308.132.889)	(70.442.434.254)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.882.908.167)	(6.055.468.836)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.796.066.066)	(1.854.095.385)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.334.748.190	4.631.834.564
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(87.871.265.967)	(75.804.074.298)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	34.067.135.862	39.916.766.624
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(6.326.006.363)	(9.320.659.090)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	5.905.606.062	2.349.000.910
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(14.997.035.447)	(1.988.964.553)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.581.065.606	592.273.701
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(13.836.370.142)	(8.368.349.032)
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền chi trả VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	(16.359.250.000)	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	45.842.019.859	82.364.356.181
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(48.053.869.230)	(94.663.154.221)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.729.836.300)	(4.976.587.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(23.300.935.671)	(17.275.385.040)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3.070.169.951)	14.273.032.552
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	44.181.871.931	29.908.839.379
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	41.111.701.980	44.181.871.931



Đặng Quang Đạt

Gia Lai, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Kế toán trưởng

Vũ Sơn Thủy

Người lập biểu

Tống Thị Thu Hiền

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



ĐẶNG QUANG ĐẠT